

Số: 04/2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định 31 (ba mươi một) định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, cụ thể:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Nguồn bước sóng chuẩn Laser He – Ne 633 nm ổn định tần số bằng I-ốt, 206/ WINTER Model 100 tại

Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về Góc phẳng gồm hai chuẩn: Chuẩn quốc gia về góc phẳng nhỏ và chuẩn quốc gia góc phẳng toàn vòng tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Quả cân chuẩn 1kg, VIE 982100/2 tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này;

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn độ cứng HNG - 250 thang đo HRC, 030-78/ HNG -250 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này;

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn lực đến 100 kN, V03.TB1.20/100 kN/1000 kN-LA-KS tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này;

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Áp kế piston khí (58784/RUSKA Model 2465A-754); Áp kế piston khí, 642/ DHI Model PG 7607; Áp kế piston, 49915/RUSKA Model 2485-930D; Áp kế piston, 61607/RUSKA Model 2492; Áp kế piston đo áp suất chênh áp, V04.TB1.21; V04.TB1.22/PG7202/898; PG7202/899; Áp kế piston đo áp suất cực thấp, 153/DHI Model FPG 8601 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Chuẩn lưu lượng khí kiểu chuông, V05.03/ CQG-LLK-01; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt, V05.04/CQG-LLK-02 tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này;

8. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về dung tích, V05.01/CQG-DT - 13 tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này;

9. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về lưu tốc thể tích chất lỏng, V05.02/ CQG-LTTTCL tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này;

10. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng khối lượng nước, V05.05/CQG-LLKLN-11 tại Phụ lục X kèm theo Thông tư này;

11. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách

nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng thể tích xăng dầu, V05.06/CQG-LLTTXD-02 tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này;

12. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về vận tốc khí gồm hai chuẩn: đĩa vận tốc chuẩn và chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Dopler Số hiệu: V05.07.20 (Đĩa vận tốc chuẩn ký mã hiệu: V05.07.20.1; Chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Dopler ký mã hiệu: V05.07.20.02) tại Phụ lục XII kèm theo Thông tư này;

13. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Khối lượng riêng chất lỏng, V06.02/Density Meter DA-650 tại Phụ lục XIII kèm theo Thông tư này;

14. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Nhớt kế mao quản chuẩn, V06.01/Master Ubbelohde tại Phụ lục XIV kèm theo Thông tư này;

15. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Dung dịch chuẩn kim loại kẽm (Zn), Số hiệu: ĐLHH.01.20.01 Ký mã hiệu: VMI.PRM.TP09. Zn tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này;

16. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Suy giảm tần số cao, V08.03/Agilent 8494B, 8496B và hệ thống N5531S tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này;

17. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Đồng hồ nguyên tử Cesium, 3608A01233/ HP5071A tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này;

18. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điểm ba của Nước tinh khiết; Điểm ba của Thủy ngân tinh khiết; Điểm nóng chảy của Gali tinh khiết; Điểm đông đặc của Thiếc tinh khiết; Điểm đông đặc của Kẽm tinh khiết; Điểm đông đặc của Nhôm tinh khiết; Điểm đông đặc của Bạc tinh khiết; Cầu đo tỷ số điện trở; Điện trở chuẩn AC/DC; Nhiệt kế điện trở chuẩn Platin; Nhiệt kế điện trở Platin chuẩn nhiệt độ cao tại Phụ lục XVIII kèm theo Thông tư này;

19. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Cường độ sáng, V11.01.20/Wi41/G 0030; Wi41/G 0031; Wi41/G 0037 tại Phụ lục XIX kèm theo Thông tư này;

20. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Quang thông, V11.02.20/Wi40/G 001; Wi40/G 002; Wi40/G 003; tại Phụ lục XX kèm theo Thông tư này;

21. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Quang phổ, phổ truyền qua V11.03.17 tại Phụ lục XXI kèm theo Thông tư này;

22. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Độ chói V11.PR.004 tại Phụ lục XXII kèm theo Thông tư này;

23. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Mức áp suất âm thanh V12.01.17 tại Phụ lục XXIII kèm theo Thông tư này;

24. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia về Rung động V12.01.18, tại Phụ lục XXIV kèm theo Thông tư này;

25. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện áp một chiều (DC Voltage), V07.04/Fluke 7000 tại Phụ lục XXV kèm theo Thông tư này;

26. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Dòng điện một chiều (DC Current), V07.05/ Current Shunt CS - 0.1; Current Shunt CS - 1 tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này;

27. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện trở một chiều (DC Resistance), V07.03/ L&N 4102-B tại Phụ lục XXVII kèm theo Thông tư này;

28. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện áp xoay chiều (AC Voltage), V07.06/ Single Junction Thermal Converter tại Phụ lục XXVIII kèm theo Thông tư này;

29. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Công suất điện tần số công nghiệp (*AC Powers*) tại Phụ lục XXIX kèm theo Thông tư này;

30. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Năng lượng điện tần số công nghiệp (*Energy*) tại Phụ lục XXX kèm theo Thông tư này.

31. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tại Phụ lục XXXI kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

2. Cơ quan, tổ chức được chỉ định giữ chuẩn đo lường quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về đo lường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chuẩn đo lường quốc gia (sau đây gọi là chuẩn quốc gia)* là chuẩn đo lường cao nhất của quốc gia được dùng để xác định giá trị đo của các chuẩn đo lường còn lại của lĩnh vực đo.

2. *Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường* là quy định các yêu cầu kỹ thuật đo lường để thực hiện thống nhất trong quản lý nhà nước về kỹ thuật đo lường do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành.

3. *Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường* là dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, do đơn vị sự nghiệp công thực hiện, phục vụ quản lý nhà nước về đo lường được Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện.

4. *Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây gọi tắt là định mức kinh tế - kỹ thuật)* là mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định) trong điều kiện cụ thể phục vụ quản lý nhà nước.

5. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011.

6. Trong Thông tư này, các chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
ĐVT	Đơn vị tính
ĐLVN	Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CQG	Chuẩn đo lường quốc gia
QTHC	Quy trình hiệu chuẩn
KS	Kỹ sư
KSC	Kỹ sư chính
PTN	Phòng thí nghiệm

Điều 4. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

- a) Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;
- b) Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- c) Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- d) Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia;
- đ) Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;
- e) Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;
- g) Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;
- h) Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- i) Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Xây dựng định mức chưa có quy định cụ thể

Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 21/2019/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

a) Phương pháp thống kê tổng hợp

Trên cơ sở số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê bảo đảm độ tin cậy, tính pháp lý trong thời gian 03 (ba) năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế về thực hiện duy trì hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và tham gia các so sánh vòng quốc tế.

b) Phương pháp tiêu chuẩn

Trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi để xây dựng định mức lao động cho từng công việc.

Căn cứ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc, xây dựng định mức cho thiết bị và vật tư.

c) Phương pháp phân tích, thực nghiệm

Triển khai các hoạt động khảo sát, phân tích, đánh giá, thực nghiệm từng yếu tố cấu thành định mức áp dụng cho các công việc trong duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Điều 5. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm các định mức thành phần như sau:

a) *Định mức lao động* là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Định mức lao động là thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết để

sản xuất ra một sản phẩm hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể và thời gian lao động trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm. Trong đó:

a1) Định mức lao động trực tiếp là thời gian thực hiện xong một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí thời gian lao động trong định mức được tính bằng công;

a2) Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) quy định theo tỷ lệ là 10 phần trăm (%) của định mức lao động trực tiếp.

$$\text{Định mức lao động} = \text{Định mức lao động trực tiếp (thực hiện)} + \text{Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)}$$

b) *Định mức máy móc, thiết bị* là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành một dịch vụ sự nghiệp công duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền quy định, đơn vị tính là ca.

c) *Định mức vật tư* là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tỷ lệ thu hồi vật tư áp dụng Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và căn cứ vào thực tế đã thực hiện các năm gần đây của từng loại vật tư tiêu hao cần thiết để hoàn thành các bước công việc.

2. Tổng định mức, áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường là mức tối đa các chi phí, tiêu hao các yếu tố về lao động, thiết bị và vật tư để hoàn thành một đơn vị sản phẩm hoặc một khối lượng công việc đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền quy định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật là định mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc thiết bị, vật tư để hoàn thành một đơn vị sản phẩm hoặc một khối lượng công việc nhất định theo quy trình duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ xây dựng dự toán và đơn giá cho dịch vụ có sử dụng kinh phí theo phương thức do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

3. Các cơ quan, tổ chức thực hiện duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia mở rộng (ngoài các chuẩn quốc gia được quy định tại Thông tư này), căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật; điều kiện, tình hình thực tế cơ quan, tổ chức, địa bàn để áp dụng toàn bộ hoặc từng phần định mức quy định kèm theo Thông tư này, trừ trường hợp có quy định khác.

Điều 6. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này xây dựng trên cơ sở 31 quy trình thực hiện dịch vụ tương ứng đã được phê duyệt, cụ thể:

1. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Nguồn bước sóng chuẩn Laser He - Ne 633nm ổn định tần số bằng I-ốt, 206/ WINTER Model 100;

2. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về Góc phẳng gồm hai chuẩn: chuẩn quốc gia Góc phẳng nhỏ và chuẩn quốc gia Góc phẳng toàn vòng;

3. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Quả cân chuẩn 1kg, VIE 982100/2;

4. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn độ cứng HNG - 250 thang đo HRC, 030-78/ HNG -250;

5. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Máy chuẩn lực đến 100 kN, V03.TB1.20/100 kN/1000 kN-LA-KS;

6. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Áp kế piston khí (58784/RUSKA Model 2465A-754); Áp kế piston khí, 642/ DHI Model PG 7607; Áp kế piston, 49915/RUSKA Model 2485-930D; Áp kế piston, 61607/RUSKA Model 2492; Áp kế piston đo áp suất chênh áp, V04.TB1.21; V04.TB1.22/PG7202/898; PG7202/899; Áp kế piston đo áp suất cực thấp, 153/DHI Model FPG 8601;

7. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Chuẩn lưu lượng khí kiểu chuông, V05.03/ CQG-LLK-01; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt, V05.04/CQG-LLK-02;

8. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về dung tích, V05.01/CQG-DT - 13;

9. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về lưu tốc thể tích chất lỏng, V05.02/ CQG-LTTTCL;

10. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng khối lượng nước, V05.05/CQG-LLKLN-11;

11. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống thiết

bị chuẩn lưu lượng thể tích xăng dầu, V05.06/CQG-LLTTXD-02;

12. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về vận tốc khí gồm hai chuẩn: đĩa vận tốc chuẩn và chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Dopler Số hiệu: V05.07.20 (Đĩa vận tốc chuẩn ký mã hiệu: V05.07.20.1; Chuẩn đo vận tốc khí kiểu Laser Dopler ký mã hiệu: V05.07.20.02);

13. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Khối lượng riêng chất lỏng, V06.02/Density Meter DA-650;

14. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Nhớt kế mao quản chuẩn, V06.01/Master Ubbelohde;

15. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Dung dịch chuẩn kim loại kẽm (Zn), Số hiệu: ĐLHH.01.20.01 Ký mã hiệu: VMI.PRM.TP09.Zn;

16. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Suy giảm tần số cao, V08.03/Agilent 8494B, 8496B và hệ thống N5531S;

17. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ chuẩn đo lường quốc gia Đồng hồ nguyên tử Cesium, 3608A01233/ HP5071A;

18. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điểm ba của Nước tinh khiết; Điểm ba của Thủy ngân tinh khiết; Điểm nóng chảy của Gali tinh khiết; Điểm đông đặc của Thiếc tinh khiết; Điểm đông đặc của Kẽm tinh khiết; Điểm đông đặc của Nhôm tinh khiết; Điểm đông đặc của Bạc tinh khiết; Cầu đo tỷ số điện trở; Điện trở chuẩn AC/DC; Nhiệt kế điện trở chuẩn Platin; Nhiệt kế điện trở Platin chuẩn nhiệt độ cao;

19. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia cường độ sáng, V11.01.20/Wi41/G 0030; Wi41/G 0031; Wi41/G 0037;

20. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia quang thông, V11.02.20/Wi40/G 001; Wi40/G 002; Wi40/G 003;

21. Quy trình thực hiện dịch vụ chuẩn đo lường quốc gia Quang phổ, phổ truyền qua V11.03.17;

22. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia về độ chói V11.PR.004;

23. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia mức áp suất âm thanh V12.01.17;

24. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia về rung động V12.01.18;

25. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện áp một chiều (DC Voltage), V07.04/Fluke 7000;

26. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Dòng điện một chiều (DC Current), V07.05/ Current Shunt CS - 0.1; Current Shunt CS - 1;

27. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện trở một chiều (DC Resistance), V07.03/ L&N 4102-B;

28. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Điện áp xoay chiều (AC Voltage), V07.06/ Single Junction Thermal Converter;

29. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Công suất điện tần số công nghiệp (AC Powers);

30. Quy trình thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia Năng lượng điện tần số công nghiệp (Energy);

31. Quy trình thực hiện dịch vụ xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Công TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC, KHTC, PC



Lê Xuân Định